

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC QUÝ I NĂM 2018**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018. Sở Tài chính công khai kết quả ước thực hiện Quý I/2017 như sau:

*** Ước thực hiện thu chi ngân sách quý I/2018**

1. Về thu ngân sách: Ước thực hiện quý I/2018: 12.360 tỷ đồng, đạt 23% so với dự toán. Trong đó:

a. Thu nội địa: 8.560 tỷ đồng, đạt 22% so với dự toán. Trong đó:

Thu xổ số kiến thiết: 365 tỷ đồng, đạt 25% so với dự toán.

b. Thu xuất nhập khẩu: Ước thực hiện quý I/2018: 3.800 tỷ đồng, đạt 25% so với dự toán.

2. Đánh giá tình hình thu ngân sách quý I/2018:

a. Về thu nội địa:

*** Thuận lợi:**

- Thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các nội dung thay đổi về Luật quản lý thuế, lệ phí môn bài, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa...; công khai danh sách người nộp thuế còn nợ thuế trên đài truyền thanh.

- Công tác thanh tra kiểm tra: 2 tháng đầu năm 2018 tiếp tục kết luận, ra biên bản xử lý các trường hợp thanh tra, kiểm tra còn dở dang năm 2017 chuyển sang là 101 DN (gồm thanh tra 16 DN, kiểm tra 85 DN)

- Tổng số tiền đã truy thu và phạt là 122 tỷ đồng, trong đó: truy thu: 96 tỷ đồng, Phạt: 26 tỷ đồng. Số tiền thu hồi hoàn thuế: 150 triệu đồng, số tiền loại trừ chi phí giảm lỗ: 917 tỷ đồng. Dự kiến thu qua thanh tra kiểm tra Quý I/2018 đạt 180 tỷ (trong đó thu qua thanh tra 150 tỷ, kiểm tra 30 tỷ)

- Về công tác đôn đốc thu số thuế TNDN và thuế TNCN phát sinh chưa nộp hết của năm 2017: thực hiện giám sát chặt chẽ tình hình kê khai quyết toán thuế TNDN, thuế TNCN năm 2017 đúng hạn theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp tạm nộp thuế TNDN trong năm 2017 thấp hơn 80% số thuế phát sinh phải nộp theo quyết toán.

- Về công tác thu hồi nợ thuế: tính đến thời điểm 28/02/2018 toàn tỉnh đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế thu được 120.954 triệu đồng trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 108.260 triệu đồng bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 12.694 triệu đồng,...

Khó khăn:

Nguyên nhân làm giảm thu ngân sách:

- Do những tháng đầu năm công tác thanh tra, kiểm tra, thu nợ chưa triển khai theo kế hoạch năm, chủ yếu là giải quyết những tồn tại của năm trước chuyển sang.

- Các DN hồi tố ưu đãi (giai đoạn 2009-2013) vẫn còn số nộp thừa 2017 chuyển qua.

- Trong năm một số DN rà soát thu sát số phát sinh nên số thu Quý 4/2017 chuyển qua 2018 còn ít; Đặc biệt có trường hợp không còn phát sinh số phải nộp.

- Các doanh nghiệp viễn thông tái cơ cấu chưa phát sinh thuế GTGT nộp do còn khấu trừ của các DN hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Một số DN trong diện giải tỏa, di dời ra ngoài KCN I đã chuyển địa điểm sang tỉnh khác: Công ty Đường Biên Hòa, Công ty sữa VN, Công ty Bao bì Biên Hòa...

- Các công ty thức ăn chăn nuôi đầu tư mở rộng ở ngoài tỉnh dẫn đến giảm số thuế TNDN phải nộp của trụ sở chính (Cty Cổ phần chăn nuôi CP, Cargill, Công ty Dinh dưỡng Á Châu...)

- Các DN sản xuất thức ăn gia súc, chế biến nông lâm thủy hải sản tiếp tục gặp khó khăn do giá tiêu thụ giảm, sản lượng bán hàng giảm.

- Doanh thu và sản lượng tiêu thụ của một số DN đạt thấp làm giảm số thuế nộp so với cùng kỳ và so với kế hoạch: Tổng Công ty CNTP, Công ty Suzuki, Công ty Aqua, Ajinomota, Công ty Điện lực dầu khí 2, CN TCT Điện lực dầu khí VN (đại tu tổ máy)...

b. Về thu xuất nhập khẩu:

Thuận lợi:

- Thực hiện các chuyên đề tuyên truyền, hình thức, phương thức tuyên truyền phổ biến pháp luật như: tổ chức thông báo, tuyên truyền trên website, trên chuyên mục "*Hải quan đồng hành cùng doanh nghiệp*",... đối với những thay đổi về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy trình thủ tục hải quan,...

- Thực hiện duy trì, giám sát và vận hành Hệ thống Vnaccs/Vciss ổn định, an ninh, an toàn 24/7 đã mang lại hiệu quả thiết thực, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

- Triển khai dịch vụ nộp thuế, phí, lệ phí điện tử và thông quan 24/7 tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nộp thuế, thông quan tờ khai.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

Kết quả làm tăng thu ngân sách cụ thể: Mặt hàng máy móc thiết bị, bông thô, than đá nộp tăng 141,2 tỷ đồng so với cùng kỳ; mặt hàng máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu nộp tăng 82,56 tỷ đồng so với cùng kỳ; mặt hàng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất giày nộp tăng 35,48 tỷ đồng; Mặt hàng nguyên phụ liệu sản xuất sữa của Công ty TNHH Nestlé Việt Nam nộp tăng 20,48 tỷ đồng so với cùng kỳ; Mặt hàng dây cáp điện của Công Ty TNHH Cáp Taihan Vina nộp tăng 196,5 tỷ đồng so với cùng kỳ; Mặt hàng hóa chất, hạt nhựa,...của Công ty TNHH MTV Concord Textile Corporation VietNam nộp tăng 11,53 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Khó khăn:

- Địa bàn quản lý không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, cảng biển quốc tế, hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình gia công sản xuất xuất khẩu, chế xuất được miễn thuế chiếm trên 70%.

- Những mặt hàng có thuế suất, trị giá cao không được làm thủ tục tại địa phương (phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập) theo Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như: ô tô, hàng tiêu dùng, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (kiểm dịch thực vật theo danh mục của Bộ NN & PTNT quy định, kiểm tra chất lượng nhà nước,...)

- Do kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng giảm dẫn đến số thu thuế năm 2018 giảm như: mặt hàng nguyên phụ liệu thuốc lá, linh kiện phụ tùng ô tô, linh kiện phụ tùng xe máy, nguyên phụ liệu sản xuất thức ăn gia súc, mặt hàng xăng 92 không được nhập khẩu để sử dụng xăng E5 sản xuất trong nước,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,...làm giảm số thu năm 2018.

Cụ thể: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp nộp thuế giảm 81,69 tỷ đồng so với cùng kỳ; do trong năm 2018 không nhập khẩu mặt hàng xăng 92 để sử dụng xăng E5 sản xuất trong nước nên làm giảm tương ứng số thu từ xăng 92; Mặt hàng linh kiện và phụ tùng xe máy, ô-tô của Công ty TNHH Việt Nam Suzuki nộp thuế 13,54 tỷ đồng, giảm 23,74 tỷ đồng so với cùng kỳ; Mặt hàng nguyên phụ liệu thuốc lá của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai nộp thuế 3,70 tỷ đồng, giảm 15,87 tỷ đồng so với cùng kỳ; Mặt hàng sắt thép của Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam nộp thuế 8,69 tỷ đồng, giảm 11,41 tỷ đồng so với cùng kỳ.

3. Chi cân đối ngân sách địa phương:

Chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 5.019 tỷ đồng, đạt 24% so với dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: là 2.300 tỷ đồng, đạt 32% so với dự toán.
- Chi thường xuyên: 2.719 tỷ đồng, đạt 22% so với dự toán.

Nhìn chung chi ngân sách địa phương quý I/2018 đạt so với dự toán, các cấp ngân sách đảm bảo cân đối được nguồn tiền để thực hiện các nhiệm vụ chi đầu năm 2018, trong đó đảm bảo chi lương, chi hoạt động của các đơn vị, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, chi trợ cấp tết,...

Trên đây báo cáo công khai tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách quý I/2018 của Sở Tài chính. *minh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
 - Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu VT, NSNN, VP.
- S.2018.CV.CK

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thanh Bình



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2017

ĐVT: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2017 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) |
|-----------|--|-------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| A | TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN | 53.849.000 | 12.360.000 | 23% |
| I | Thu cân đối ngân sách nhà nước | 53.849.000 | 12.360.000 | 23% |
| 1 | Thu nội địa | 38.349.000 | 8.560.000 | 22% |
| 2 | Thu từ dầu thô | | | |
| 3 | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 15.500.000 | 3.800.000 | 25% |
| 4 | Thu viện trợ | | | |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 26.003.608 | 5.018.500 | 19% |
| I | Chi cân đối ngân sách địa phương | 21.296.393 | 5.018.500 | 24% |
| 1 | Chi đầu tư | 7.246.060 | 2.300.000 | 32% |
| 2 | Chi thường xuyên | 12.166.043 | 2.718.500 | 22% |
| 3 | Chi trả nợ lãi vay | | | |
| 4 | Chi dự trữ quỹ dự trữ tài chính | 2.910 | | |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 419.960 | | 0% |
| 6 | CHI TẠO NGUỒN CCTL | 1.342.420 | | |
| C | BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP | | | |
| D | CHI TRẢ NỢ | 119.000 | | |

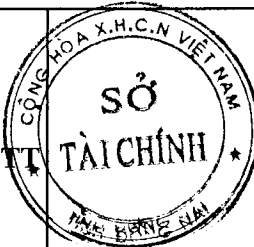
ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I/2018

ĐVT: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2017 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) |
|------------|--|-------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| A | TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN | 53.849.000 | 12.360.000 | 23% |
| I | Thu nội địa | 38.349.000 | 8.560.000 | 22% |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN | 6.246.000 | 1.096.200 | 18% |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 15.536.000 | 3.460.000 | 22% |
| 3 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 4.885.000 | 1.182.500 | 24% |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 5.190.000 | 1.200.000 | 23% |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường | 360.000 | 90.000 | 25% |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 1.100.000 | 280.000 | 25% |
| 7 | Thu phí lệ phí | 430.000 | 115.000 | 27% |
| 8 | Các khoản thu về nhà đất | 2.122.000 | 576.300 | 27% |
| - | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 55.000 | 10.000 | 18% |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 1.500.000 | 450.000 | 30% |
| - | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 564.000 | 116.000 | 21% |
| - | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | 3.000 | 300 | 10% |
| 9 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 140.000 | 15.000 | 11% |
| 10 | Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của nhà nước | 100.000 | 25.000 | 25% |
| 11 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | 1.454.000 | 365.000 | 25% |
| 12 | Thu tại xã | 16.000 | 5.000 | 31% |
| 13 | Thu khác ngân sách | 770.000 | 150.000 | 19% |
| II | Thu từ dầu thô | | | |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 15.500.000 | 3.800.000 | 25% |
| IV | Thu viện trợ | | | |
| B | THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP | 20.998.193 | 4.642.999 | 22% |
| 1 | Từ các khoản phân chia | 14.804.193 | 2.994.699 | 20% |
| 2 | Các khoản thu NSDP hưởng 100% | 6.194.000 | 1.648.300 | 27% |

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2017

ĐVT: triệu đồng

| STT |  NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2017 | SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%) |
|-----|--|-------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN NĂM |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| | TỔNG CHI NSDP | 26.003.608 | 5.018.500 | 19% |
| A | CHI CÂN ĐỐI NSDP | 21.296.393 | 5.018.500 | 24% |
| I | Chi đầu tư phát triển | 7.246.060 | 2.300.000 | 32% |
| II | Chi thường xuyên | 12.166.043 | 2.718.500 | 22% |
| | Trong đó | | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 4.813.279 | 1.300.000 | 27% |
| 2 | Chi khoa học công nghệ | 110.403 | 15.000 | 14% |
| 3 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | 1.112.996 | 150.000 | 13% |
| 4 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | 149.323 | 28.000 | 19% |
| 5 | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình | 25.836 | 5.500 | 21% |
| 6 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | 119.595 | 30.000 | 25% |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | 649.174 | 80.000 | 12% |
| 8 | Chi sự nghiệp kinh tế | 1.700.447 | 250.000 | 15% |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể | 1.727.064 | 490.000 | 28% |
| 10 | Chi bảo đảm xã hội | 851.872 | 210.000 | 25% |
| III | Chi trả nợ | 119.000 | | |
| IV | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 2.910 | | 0% |
| V | Dự phòng ngân sách | 419.960 | | 0% |
| VI | Chi tạo nguồn CCTL | 1.342.420 | | 0% |
| B | CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW BỔ SUNG CHO NSDP | 4.707.215 | 0 | 0% |
| 1 | Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư | 4.579.192 | | 0% |
| 2 | Cho các nhiệm vụ chính sách kinh phí thường xuyên | 128.023 | | 0% |